

Bản án số: 49/2021/HSST

Ngày: 31-3-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tùng;
2. Bà Nguyễn Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HS ngày 18/3/2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Tấn Đ1, sinh năm 2000, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh B; chỗ ở: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Tấn Đ3, sinh năm 1976 và bà Võ Thị Cẩm L, sinh năm 1983; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đại Đ, sinh năm 2000, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Ấp 3B, xã L, huyện L, tỉnh B; chỗ ở: Ấp 3B, xã L, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trí H, sinh năm 1997, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã V, huyện Đức L, tỉnh Bình T; chỗ ở: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1947 và bà Vũ Thị

N, sinh năm 1954 (đã chết); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bùi Quang T, sinh năm 1991, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh B, chỗ ở: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Công B, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; có vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tấn Đ1, Nguyễn Trí H, Bùi Quang T và Nguyễn Đại Đ là bạn bè quen biết ngoài xã hội và cùng tạm trú tại phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 08 giờ ngày 03/8/2020, Đ1 đi từ nhà tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh B đến phòng trọ số 4, nhà trọ P, thuộc khu phố 2, phường Mỹ P, thị xã B, B do Trần Văn P, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã L, huyện L, tỉnh B là bạn của Đ1 đang thuê ở để chơi.

Sau khi đến phòng trọ của P, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Đ1 rủ Đồng, H và T đến phòng số 04 của P để đánh bạc thì tất cả đồng ý. Do có sẵn 03 bộ bài tây loại 52 lá ở trong phòng trọ nên Đ1 rủ Đ, H và T đánh bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền nên được cả nhóm đồng ý. Đ1, Đ, H và T thống nhất với nhau cùng làm cái xoay vòng, mỗi người làm cái 03 ván rồi đổi người khác làm cái, mỗi ván quy định đặt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Lúc này, trong phòng còn có Trần Văn P; Nguyễn Xuân H2, sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh B; Hà Văn Q, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh B và Lê Đình D, sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh B nhưng chỉ ngồi xem chứ không tham gia đánh bạc.

Cả nhóm tham gia đánh bạc đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát đến kiểm tra, lúc này H2 la lên “Công an đến” thì cả nhóm bỏ chạy vào nhà vệ sinh trong phòng trọ. Công an phường Mỹ Phước vào phòng số 04 kiểm tra thì phát hiện trên chiếu bạc có số tiền 600.000 đồng, đồng thời kiểm tra trong thùng mì gói ở trong

phòng phát hiện số tiền 2.500.000 đồng là tiền của Đ cất giấu, tiếp tục kiểm tra nhà vệ sinh thì phát hiện T và H trốn ở trong nhà vệ sinh, thu giữ trong bồn chứa nước của bồn cầu có số tiền 5.000.000 đồng do T cất giấu, thu giữ trên người của H số tiền 4.540.000 đồng, thu giữ trên người của Đ1 số tiền 3.100.000 đồng, đồng thời thu giữ 03 bộ bài tây loại 52 lá. Công an phường Mỹ Phước lập hồ sơ ban đầu, sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát để thu lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, xác định được như sau:

Hình thức tham gia đánh bạc bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền như sau: Cả nhóm quy định mỗi người làm cái 03 ván bài sau đó xoay vòng và quy định mức đặt cược từ 50.000 đồng cho đến 200.000 đồng một ván, chỉ tính thắng thua với người làm cái, người nào làm cái thì chia cho mỗi tụ 03 lá bài, cách tính điểm thắng thua như sau: Con Át (A) là 1 điểm, 10, J, Q, K là 10 điểm, sau khi chia bài xong cộng 03 lá bài lại tính từ 1 điểm đến 10 điểm, 10 điểm (bù) là nhỏ nhất, còn tụ bài có 03 lá bài J, Q, K, hoặc 03 con đều là J, Q hoặc K (ba cào) là lớn nhất, nếu lớn điểm hơn nhà cái là thắng, nhỏ điểm hơn nhà cái là thua. Số tiền thắng thua tương ứng với số tiền đặt cược, tỷ lệ là 1:1.

Lê Tấn Đ1 khai nhận: Khi tham gia đánh bạc, Đ1 mang theo số tiền 5.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc, Đ1 lấy ra trước số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, còn lại 4.500.000 đồng để trong túi khi nào thua hết số tiền 500.000 đồng thì tiếp tục lấy hết số tiền trong túi ra để đánh bạc. Khi bị bắt, Đ1 thua số tiền 1.300.000 đồng, còn số tiền 600.000 đồng, Đ1 đã ném ở dưới chiếu, số tiền còn lại 3.100.000 đồng trong túi Đ1 bị lực lượng Công an tạm giữ. Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc của Đ1 là 5.000.000 đồng.

Nguyễn Trí H khai nhận: Khi tham gia đánh bạc, H mang theo số tiền 6.040.000 đồng, H lấy ra số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại 4.040.000 đồng, H để trong túi quần, khi nào thua hết số tiền 2.000.000 đồng thì tiếp tục lấy thêm số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Số tiền 3.040.000 đồng, H không sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt H thua số tiền 1.500.000 đồng, lúc bị bắt do lo sợ nên H nhét số tiền 4.540.000 đồng trong quần lót của H và bị lực lượng Công an tạm giữ. Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc của H là 3.000.000 đồng.

Bùi Quang T khai nhận: Khi tham gia đánh bạc, T mang theo số tiền 2.060.000 đồng, T sử dụng toàn bộ số tiền này để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt, T thắng số tiền 4.500.000 đồng, lúc bị bắt do lo sợ nên T chạy vào phòng vệ sinh nhét số tiền 5.000.000 đồng vào bồn chứa nước của bồn cầu, giấu trên người số tiền 1.560.000 đồng và bị lực lượng Công an tạm giữ. Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc của T là 6.560.000 đồng.

Nguyễn Đại Đ khai nhận: Khi tham gia đánh bạc, Đ mang theo số tiền 2.615.000 đồng để tham gia đánh bạc, Đ lấy trước số tiền 615.000 đồng để đánh bạc, còn lại số tiền 2.000.000 đồng để trong túi, khi nào thua hết số tiền 615.000 đồng thì tiếp tục lấy số tiền trong túi ra để đánh bạc. Khi bị bắt, Đ thua số tiền 115.000 đồng, lúc bị bắt do lo sợ nên Đ giấu số tiền 2.500.000 đồng còn lại trong thùng mì gói và bị lực lượng Công an tạm giữ. Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc của Đ là 2.615.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 17.175.000 đồng, trong đó, 600.000 đồng là tiền thu giữ trên chiếu bạc.

Quá trình điều tra, Lê Tấn Đ1, Nguyễn Đại Đ, Nguyễn Trí H và Bùi Quang T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của các bị can phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ:

- 03 bộ bài tây loại 52 lá, đã qua sử dụng.
- Tổng số tiền 17.300.000 đồng, trong đó: tiền thu giữ trên chiếu bạc là 600.000 đồng do Đ1 vớt lại tại chiếu bạc, tiền cất giấu trong phòng sử dụng vào việc đánh bạc là 7.500.000 đồng (trong đó 2.500.000 đồng do Đ giấu trong thùng mì gói và 5.000.000 đồng do T giấu trong bồn chứa nước của bồn cầu), tiền cất giấu trên người của Đ1, H và T được sử dụng vào việc đánh bạc là 6.160.000 đồng (trong đó Đ1 3.100.000 đồng, H 1.500.000 đồng, T 1.560.000 đồng), tiền trên người không sử dụng vào việc đánh bạc là 3.040.000 đồng (H cất giấu trên người).

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 09/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Tấn Đ1, Nguyễn Đại Đ, Nguyễn Trí H, Bùi Quang T về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Tấn Đ1, Nguyễn Đại Đ, Nguyễn Trí H, Bùi Quang T về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đồng thời đề nghị áp dụng: Điều 35; khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Lê Tấn Đ1, Nguyễn Đại Đ, Nguyễn Trí H, Bùi Quang T và đề nghị cụ thể như sau:

+ Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Tấn Đ1 số tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

+ Đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Đại Đ, Nguyễn Trí H, Bùi Quang T mỗi bị cáo số tiền từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy 03 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng.
- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 14.260.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi triệu đồng).
- Quản thủ để đảm bảo thi hành án số tiền 3.040.000 đồng thu giữ của bị cáo H.

* Tất cả các bị cáo Lê Tấn Đ1, Nguyễn Đại Đ, Nguyễn Trí H, Bùi Quang T thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả và thừa nhận hành vi của mình như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát và các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tình tiết như bản Cáo trạng đã mô tả, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Từ khoảng 21 giờ 00 phút đến 22 giờ 30 phút, ngày 03/8/2020 tại phòng số 4, nhà trọ P thuộc khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B các bị cáo Lê Tấn Đ1, Nguyễn Đại Đ, Nguyễn Trí H, Bùi Quang T có hành vi đánh bài dưới hình thức bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 17.175.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Đ1, Đ, H, T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, bản Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 09/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhận thức, các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét mục đích, động cơ phạm tội của các bị cáo là vì lòng tham, tư lợi nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Xét tính đồng phạm: Bị cáo Đ1, Đ, H và bị cáo T cùng trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền. Bị cáo Đ1 là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Đ, H, T cùng tham gia đánh bạc. Do vậy, đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau tham gia thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, không có sự xúi giục, giúp sức hoặc câu kết chặt chẽ vai trò của từng người. Do đó, khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào vai trò, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt cho tương xứng.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương và là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Tình hình tội phạm liên quan đến trật tự xã hội trên địa bàn ngày càng tăng và diễn biến phức tạp, đặc biệt là các loại tội phạm đánh bạc, đa số người phạm tội chưa nhận thức được hết mức độ nguy hiểm của loại tội phạm này, nhiều lần thực hiện hành vi thể hiện thái độ và ý thức xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của từng bị cáo, nhằm giáo dục các bị cáo ý thức được mức độ hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, đồng thời là để góp phần răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo Đ1, H, T có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, hiện có việc làm ổn định nên có khả năng tự tu dưỡng, rèn luyện, cải tạo bản thân và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình các bị cáo giám sát, giáo dục. Vì vậy, xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ được quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo và áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối

với các bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Đồng thời, mặc dù các bị cáo có công việc làm và thu nhập ổn định nhưng do đã áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đ1, H, T theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Đại Đ: Bị cáo Đ có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hiện bị cáo đang là sinh viên của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy xét thấy, không cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng không gây nguy hiểm và ảnh hưởng xấu đến tình hình chính T địa phương mà cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính được quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự cũng đủ sức răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và đồng thời cũng không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[9] Xét thấy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc đề nghị xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Đ là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Đ1, T, H là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 03 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng là vật chứng, không có giá T sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 14.260.000 đồng: Xét thấy, đây là tiền thu giữ trên chiếu bạc và trên người của các bị cáo nhằm dùng vào mục đích đánh bạc nên cần tuyên nộp ngân sách nhà nước;

- Đối với số tiền 3.040.000 đồng thu giữ của bị cáo H. Xét thấy, không có cơ sở để xác định bị cáo H sử dụng số tiền này nhằm mục đích đánh bạc nên cần tuyên quản thủ để đảm bảo thi hành án.

[11] Đối với hành vi của Trần Văn P, Nguyễn Xuân H2, Hà Văn Q, Lê Đình D chỉ ngồi xem các bị cáo đánh bạc nên không truy cứu trách nhiệm hình sự truy tố là phù hợp.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Tấn Đ1, Nguyễn Đại Đ, Nguyễn Trí H, Bùi Quang T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1) Áp dụng Điều 36; khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với Lê Tấn Đ1, Nguyễn Trí H, Bùi Quang T.

- Xử phạt bị cáo Lê Tấn Đ1 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh B được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Tấn Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh B phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Lê Tấn Đ1 số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

2.2) Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh B được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Trí H cho Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh B phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Trí H số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

2.3) Xử phạt bị cáo Bùi Quang T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh B được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bùi Quang T cho Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh B phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Bùi Quang T số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

2.4) Áp dụng Điều 35; khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với Nguyễn Đại Đ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đại Đ số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

3. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với các bị cáo Lê Tấn Đ1, Nguyễn Đại Đ, Nguyễn Trí H, Bùi Quang T theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 10, 11, 12, 13/LCCT-TA-BC ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 03 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/3/2021 giữa Công an thị xã Bến Cát với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Tuyên quản thủ thi hành án số tiền 3.040.000 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Trí H.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc là 14.260.000 đồng (mười bốn triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1046035 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát tại kho bạc Nhà nước thị xã Bến Cát ngày 30/3/2021).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Tấn Đ1, Nguyễn Đại Đ, Nguyễn Trí H và Bùi Quang T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- CA thị xã Bến Cát;
- UBND phường M,
- thị xã Bt;
- UBND xã L, huyện L, tỉnh B
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

